

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 12 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2022
hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng
Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương
trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2022 hỗ trợ thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra*

của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2022 hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với các nội dung như sau:

1. Nguyên tắc phân bổ vốn tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và theo nguyên tắc, cơ chế phân bổ như sau:

1.1. Hỗ trợ các xã tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn, nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững.

1.2. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng và nâng cấp đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng; trường học; trạm y tế xã; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; hệ thống lưới điện nông thôn;...

2. Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 là 108,89 tỷ đồng, phân bổ như sau:

2.1. Hỗ trợ 30,0 tỷ đồng cho 07 xã theo nội dung Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

2.2. Hỗ trợ 62,0 tỷ đồng cho 31 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và đảm bảo bền vững.

Mức vốn hỗ trợ: 02 tỷ đồng/ xã.

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

2.3. Hỗ trợ 16,89 tỷ đồng cho 06 xã để nâng cấp, cải tạo hạ tầng các khu sản xuất tập trung và cải tạo đường làng nghề.

(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP và TX;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

(để báo cáo)

CHỦ TỊCH



Phạm Xuân Thắng



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA 07 XÃ KHÓ KHĂN HỖ TRỢ VỐN NSTW NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Tên xã	Tên tiêu chí chưa đạt	Nội dung còn thiếu trong các tiêu chí chưa đạt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)
I	Huyện Ninh Giang: 3 xã			12,000.0
			Cộng	5,000.0
1	Đông Xuyên	Trường học	Công trình nhà hiệu bộ, bếp ăn tập trung trường mầm non	1,000.0
			Cải tạo, nâng tầng nhà lớp học trường THCS	3,000.0
		CSVC Văn hóa	Nhà văn hóa trung tâm xã	1,000.0
			Cộng	4,000.0
2	Kiến Quốc	Trường học	Công trình nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng trường Tiểu học	4,000.0
3	Vạn Phúc		Cộng	3,000.0
		Trường học	Xây mới nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng trường Tiểu học	3,000.0
II	Huyện Tứ Kỳ: 4 xã			18,000.0
			Cộng	4,000.0
1	Phượng Kỳ	Trường học	Trường Mầm non: Nhà hiệu bộ, Nhà lớp học và công trình phụ trợ	2,000.0
			Trường Tiểu học: Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và công trình phụ trợ	2,000.0

STT	Tên xã	Tên tiêu chí chưa đạt	Nội dung còn thiếu trong các tiêu chí chưa đạt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)
2	Tiên Động	Cộng		4,000.0
		Trường học	Trường Mầm non: Nhà hiệu bộ	500.0
			Trường THCS: 9 phòng học bộ môn	3,500.0
3	Đại Sơn	Cộng		5,000.0
		Trường học	Trường Mầm non Đại Sơn cơ sở 2: Nhà lớp học 15 phòng	2,500.0
			Trường THCS Đại Sơn cơ sở 2: Nhà lớp học 12 phòng	2,500.0
4	Chí Minh	Cộng		5,000.0
		Trường học	Trường THCS xã Đông Kỳ (cũ)	5,000.0
		TỔNG CỘNG: (7 xã)		30,000.0

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG


ANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ VỐN NSTW NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên huyện, TX, TP	Tên xã	Tên công trình	Kinh phí dự án	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022	Địa phương (xã, huyện...)
	TỔNG CỘNG	31	0	223,139.2	62,000.0	161,139.2
I	Kinh Môn	1		7,400.0	2,000.0	5,400.0
1	1	Thăng Long	Nhà hiệu bộ, sân trường THCS Thăng Long	7,400.0	2,000.0	5,400.0
II	Cẩm Giàng	2		10,800.0	4,000.0	6,800.0
2	1	Cẩm Hưng	Xây mới nhà đa năng Trường Tiểu học	6,300.0	2,000.0	4,300.0
3	2	Thạch Lỗi	Xây dựng nhà đa năng trường Tiểu học	4,500.0	2,000.0	2,500.0
III	Nam Sách	3		15,322.2	6,000.0	9,322.2
4	1	Hiệp Cát	Nâng tâng, thêm 4 phòng học cho trường tiểu học Hiệp Cát	2,800.0	2,000.0	800.0
5	2	Đông Lạc	Nâng cấp đường trục chính giao thông nội đồng	4,000.0	2,000.0	2,000.0
6	3	Cộng Hòa	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng học, trường THCS xã Cộng Hòa	8,522.2	2,000.0	6,522.2
VI	Bình Giang	2		8,663.0	4,000.0	4,663.0
			Tổng	5,363.0	2,000.0	3,363.0

STT	Tên huyện, TX, TP	Tên xã	Tên công trình	Kinh phí dự án	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022	Địa phương (xã, huyện...)
7	1	Thúc Kháng	Cải tạo, nâng cấp kênh dẫn thôn Tào Khê xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (Đoạn từ cánh đồng kỹ thuật thôn Tào Khê đến đê sông Cửu An)	544.0	450.0	94.0
			Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tào Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (Đoạn từ đê sông Cửu An đến Mả Mái)	831.0	250.0	581.0
			Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tào Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (Đoạn từ cánh đồng Gương đến Bò hòn)	989.0	800.0	189.0
			Đường làng nghề chế tác vàng bạc Lương Ngọc, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang	2,999.0	500.0	2,499.0
8	2	Hồng Khê	Nhà văn hóa thôn Phú Bùi	3,300.0	2,000.0	1,300.0
V	Kim Thành	3		17,443.0	6,000.0	11,443.0
9	1	Cộng Hòa	Xây dựng bể bơi	3,700.0	2,000.0	1,700.0
10	2	Đại Đức	Nhà văn hóa thôn Tân Tiến	4,200.0	2,000.0	2,200.0
11	3	Kim Tân	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Tiểu học	9,543.0	2,000.0	7,543.0
VI	Thanh Hà	2		15,924.0	4,000.0	11,924.0
12	1	Thanh An	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng + Sân lắp, tường rào, sân vườn phân mở rộng Trường mầm non xã Thanh An	9,005.0	2,000.0	7,005.0

STT	Tên huyện, TX, TP	Tên xã	Tên công trình	Kinh phí dự án	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022	Địa phương (xã, huyện...)
13	2	Thanh Lang	Công trình cải tạo mở rộng mặt đường và rãnh thoát nước đường giao thông nông thôn xã Thanh Lang	6,919.0	2,000.0	4,919.0
VII	Gia Lộc	3		37,382.0	6,000.0	31,382.0
14	1	Nhật Tân	Nhà 2 tầng 4 phòng học +bể PCCC trường Mầm non	7,500.0	2,000.0	5,500.0
15	2	Phạm Trấn	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính các thôn	16,000.0	1,000.0	15,000.0
			Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học trường tiểu học	5,500.0	1,000.0	4,500.0
16	3	Toàn Thắng	Nhà đa năng trường tiểu học	8,382.0	2,000.0	6,382.0
VIII	Ninh Giang	3		35,200.0	6,000.0	29,200.0
17	1	Văn Hội	Công trình nhà đa năng của trường Tiểu học	10,200.0	2,000.0	8,200.0
18	2	Hồng Đức	Công trình nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng trường Tiểu học	13,000.0	2,000.0	11,000.0
19	3	Hồng Dụ	Công trình nhà đa năng của xã	12,000.0	2,000.0	10,000.0
IX	Tứ Kỳ	4		29,275.0	8,000.0	21,275.0
20	1	Quang Trung	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học Quang Trung, huyện Tứ Kỳ;	7,380.0	2,000.0	5,380.0
21	2	Ngọc Kỳ	Nhà đa năng Trường tiểu học xã Ngọc Kỳ, huyện Tứ Kỳ	7,200.0	2,000.0	5,200.0
22	3	Quang Phục	Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng, trường tiểu học Quang Phục, huyện Tứ Kỳ	9,580.0	2,000.0	7,580.0

STT	Tên huyện, TX, TP	Tên xã	Tên công trình	Kinh phí dự án	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022	Địa phương (xã, huyện...)
23	4	Dân Chủ	Nhà làm việc 2 tầng, trạm y tế xã Dân Chủ	5,115.0	2,000.0	3,115.0
X	Thanh Miện	4		29,987.0	8,000.0	21,987.0
24	1	Lê Hồng	Xây dựng nhà đa năng, cải tạo ao bơi trường tiểu học + cải tạo chợ Hoàn Bồ xã Lê Hồng	4,251.0	2,000.0	2,251.0
25	2	Đoàn Tùng	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và sân, bồn cây trường Mầm non xã Đoàn Tùng	5,603.0	2,000.0	3,603.0
26	3	Lam Sơn	Xây mới trạm Y tế (nhà 2 tầng 10 phòng)	7,633.0	2,000.0	5,633.0
27	4	Thanh Tùng	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn Đoàn Phú đi La Xá (đoạn từ đường 392 đi khu dân cư La Xá)	12,500.0	2,000.0	10,500.0
XI	Chí Linh	3		7,500.0	6,000.0	1,500.0
28	1	Nhân Huệ	Xây dựng mới ao bơi hợp vệ sinh xã Nhân Huệ	2,500.0	2,000.0	500.0
29	2	Hoàng Hoa Thám	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đoàn từ ngã ba thôn Hố Sếu đến ngã ba thôn Tân Lập	2,500.0	2,000.0	500.0
30	3	Lê Lợi	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thanh Tảo	2,500.0	2,000.0	500.0
XII	TP Hải Dương	1		8,243.0	2,000.0	6,243.0
31	1	Liên Hồng	Công trình trường THCS, hạng mục: San nền, tường rào, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ	8,243.0	2,000.0	6,243.0

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ VỐN NSTW NĂM 2022

(Kèm theo Phụ lục 03, 20 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên công trình	Xã, huyện	Đối tượng phục vụ	Quy mô phục vụ	Chiều dài (m)	Kinh phí dự án	Địa phương đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022
TỔNG CỘNG						49,353.0	32,463.0	16,890.0
1	Cải tạo, nâng cấp đường làng nghề giày da xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc	Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc	Làng nghề giày da: Phong Lâm, Văn Lâm, Trúc Lâm, Nghĩa Hy	465 hộ	1,600	15,000.0	11,200.0	3,800.0
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội đồng khu trồng hành tỏi và thanh long thôn Trạm Lộ, thôn Đại Uyên, thôn Kim Lôi xã Bạch Đằng, thị xã Kinh Môn	Bạch Đằng, thị xã Kinh Môn	Khu sản xuất tập trung	75 ha	2,200	14,980.0	10,590.0	4,390.0
3	Cải tạo nâng cấp hạ tầng vùng chuyên canh rau an toàn Vietgap xã Tiên Tiến, thành phố Hải Dương	Tiên Tiến, thành phố Hải Dương	Khu sản xuất tập trung	30 ha	1,200	1,788.0	588.0	1,200.0
4	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu sản xuất ôi tập trung xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà	Thanh Lang, huyện Thanh Hà	Khu sản xuất Ôi tập trung	70 ha	1,570	6,568.0	3,568.0	3,000.0
5	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu sản xuất tập trung hợp tác xã nông nghiệp Nam Hưng, huyện Nam Sách	Nam Hưng, huyện Nam Sách	Khu sản xuất Dưa hữu cơ	40 ha	1,500	4,500.0	2,500.0	2,000.0
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông làng nghề mộc thôn Ngọc Mai, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang	Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang	Làng nghề Ngọc Mai	52 hộ	950	6,517.0	4,017.0	2,500.0